HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2026/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Tỉnh ủy, Thành ủy;

Thực hiện Thông báo số 681-TB/TU ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quy định mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Xét Tờ trình số 327/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 575/BC-KTNS ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Đảng ủy các xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường; Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết này do ngân sách xã, phường bảo đảm.

2. Nội dung chi tại Nghị quyết này thuộc nguồn kinh phí giao không thực hiện tự chủ. Các nội dung chi không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Tỉnh ủy, thành ủy và các quy định hiện hành khác.

3. Người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ và đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ, không vượt quá mức chi tại Nghị quyết này; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong sử dụng ngân sách.

4. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng và thẩm định văn bản; đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng quyết định mức chi cụ thể cho từng nội dung, nhiệm vụ; quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ hoặc văn bản quy định của cơ quan theo nguyên tắc không vượt quá mức chi tại Nghị quyết này.

Điều 3. Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình Đảng ủy; Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường ban hành

1. Chi xây dựng văn bản mới (hoặc văn bản thay thế)

a) Văn bản do Đảng ủy xã, phường quyết định ban hành

- Nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 25.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản.

- Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản do Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường quyết định ban hành

- Nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 15.000.000 đồng/văn bản.

- Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 15.000.000 đồng/văn bản.

2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung

Tùy theo nội dung, phạm vi sửa đổi, bổ sung, mức chi tối đa bằng 60% mức chi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Đối với xây dựng nghị quyết, quy chế, quy định bao gồm: Dự thảo đề án (trường hợp được giao xây dựng đề án), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình nếu có).

b) Đối với xây dựng quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện bao gồm: dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đề án, báo cáo giải trình nếu có).

c) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản tại điểm a, điểm b khoản này: chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy

định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

4. Chi thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

a) Văn bản trình Đảng ủy xã, phường

- Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 7.500.000 đồng/văn bản; trường hợp không được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản.

- Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện, mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản trình Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường

- Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 5.000.000 đồng/văn bản.

- Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện, mức chi tối đa 5.000.000 đồng/văn bản.

c) Đối với văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi tối đa bằng 30% tổng mức chi thẩm định văn bản nêu trên.

5. Mức chi quy định tại khoản 4 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm của thẩm định văn bản nêu trên gồm: Báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

6. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn công tác theo các chương trình, đề án được cơ quan chủ trì chương trình, đề án chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác, thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn công tác theo các chương trình, đề án thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chi xây dựng một số văn bản khác trình Đảng ủy; Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khoá, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Đảng ủy: mức chi tối đa 15.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá của Đảng ủy; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của Trung ương: mức chi tối đa 7.500.000 đồng/chương trình/báo cáo.

3. Xây dựng các báo cáo, bao gồm: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy; báo cáo tổng kết năm của Đảng ủy; báo

cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ủy; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của Đảng ủy: mức chi tối đa 4.500.000 đồng/báo cáo.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của Đảng ủy: mức chi tối đa 3.500.000 đồng/chương trình.

5. Chi xây dựng chỉ thị; kết luận; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy: mức chi tối đa 2.500.000 đồng/văn bản.

Điều 5. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của Đảng ủy; Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường.

1. Mức chi

a) Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý, mức chi tối đa 15.000.000 đồng/đoàn (tổ).

b) Đoàn giải quyết tố cáo, mức chi tối đa 10.000.000 đồng/đoàn (tổ).

c) Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); Đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, mức chi tối đa 8.000.000 đồng/đoàn (tổ).

2. Nội dung chi bao gồm:

a) Xây dựng chương trình gồm: Quyết định thành lập đoàn (bao gồm cả kế hoạch và nội dung), đề cương kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

b) Xây dựng báo cáo kết quả, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

c) Chi họp đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

3. Kinh phí chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng do cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì chi. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng (đoàn công tác liên ngành, liên cơ quan) được cơ quan chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác, thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

Điều 6. Chi trang phục

Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường; cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường mỗi năm được hỗ trợ tiền may trang phục, mức chi 500.000 đồng/người/năm.

Riêng các đồng chí là Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường (mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cáo nhất). Chế độ trang phục đối với người làm công tác cơ yếu thực hiện theo quy định hiện hành; không áp dụng quy định tại Điều này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 10 năm 2026.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hànhpháp luật);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, MTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử ĐBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV[VA].

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 30/09/2026 19:31:28

Trần Quốc Văn